

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Số: 08/2020/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cai Lậy, ngày 30 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 213, Điều 361, Điều 370, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh **Trần Quốc T**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp TH, xã NH, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chị **Lê Thị Ngọc T**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp TH, xã NH, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa anh Trần Quốc T và chị Lê Thị Ngọc T là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã TP, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 9, quyển số 01 ngày 26-5-2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp nên dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau, từ đó phát sinh mâu thuẫn. Anh T, chị T không thể tiếp tục chung sống vợ chồng nên đã ly thân từ tháng 05-2019 cho đến nay. Mặc dù đã được Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con nhưng anh T, chị T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa chị T, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì

vậy, anh T, chị T yêu cầu được ly hôn trên cơ sở tự nguyện là có căn cứ để chấp nhận.

[2] Về con chung: Giữa anh T, chị T có 02 con chung là cháu Trần Kim P, sinh ngày 05-11-2005 và cháu Trần Lê Quế M, sinh ngày 21-12-2007. Hai bên thỏa thuận giao cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi cháu 4.000.000 đồng/tháng. Chị T, anh T cam đoan việc thỏa thuận mức cấp dưỡng nêu trên là không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bất kỳ ai. Xét sự thỏa thuận của hai bên là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, các quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, các vấn đề khác: Anh T, chị T thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí: Anh T, chị T thống nhất thỏa thuận mỗi người chịu một nửa lệ phí giải quyết việc dân sự nên anh T, chị T mỗi người phải nộp 150.000 đồng. Xét sự thỏa thuận giữa hai bên là tự nguyện nên ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Quốc T và chị Lê Thị Ngọc T được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Ngọc T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trần Kim P, sinh ngày 05-11-2005 và cháu Trần Lê Quế M, sinh ngày 21-12-2007. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng 4.000.000 đồng/cháu (hai cháu là 8.000.000 đồng mỗi tháng) cho đến khi cháu P, cháu M đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ ngày 15-02-2020. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung; về các vấn đề khác: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến, nếu có phát sinh sẽ được giải quyết bằng một vụ việc khác.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Quốc T và chị Lê Thị Ngọc T mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí, tổng cộng là 300.000 (Ba

trăm nghìn) đồng. Anh T, chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí theo 02 biên lai thu số 17492 và 17493 cùng ngày 15-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên được trừ vào lệ phí, xem như anh T, chị T đã thi hành xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- UBND xã TP;
- Chi cục THSDS huyện C;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Anh Thực